

Bản án số: 197A/2018/HS-PT
Ngày: 25-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 134/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Bé H; sinh năm 1971 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số 16x, khóm B, thị trấn L, huyện L, Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H; có chồng và ba người con. Tiền sự: Ngày 28/7/2017 bị Công an huyện L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản người khác; Tiền án: Không. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/12/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Lê Văn Ph là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Văn Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Bị hại không kháng cáo: Nguyễn Thị Bạch D, sinh năm 1994. Địa chỉ

cư trú: Số 16x/x/x, đường V, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ liên lạc: Số 3x^A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

* *Người giám định:* Nguyễn Việt T – Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thanh Tuấn A, sinh năm 1988 (có mặt);

2. Nguyễn Thanh Tuấn E, sinh năm 1991 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 3x^A khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Phước Th (T), sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Trần Thị Th, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm BT 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phạm Thị H, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm BT 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Lê Minh C, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm B 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Thái Đào Thanh H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: 16x khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm BT 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Kim Nh, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BH A, xã BTT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

10. Trần Thanh Ph, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: 16x khóm BP, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Đặng Đình D – Thư ký Tòa án huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội

dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Thị Bé H đập bể tủ kính của Nguyễn Thanh Tuấn E nhưng chưa bồi thường, nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/8/2017, Tuấn E cùng với Trần Phước Th, Nguyễn Thanh Tuấn A và Nguyễn Thị Bạch D đến chợ L tìm H để nói chuyện. Khi gặp H, Tuấn E xuống nói chuyện vụ bồi thường tiền cái tủ, hai bên có cự cãi qua lại với nhau. Thấy vậy, D nói chen vào dẫn đến việc D và H cự cãi qua lại, D đi đến chỗ H hất bàn, H lấy tô ném vào D nhưng D né được, D xông đến ẩu đả với H. Lúc này, tay trái của H đang cầm dao Thái Lan cán bằng gỗ dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 19cm có khắc chữ Kiwi-Brand, chiều rộng nhất 6cm, nhỏ nhất 3cm có mũi nhọn chém liên tục 03 cái từ trên xuống trúng vào vùng đầu và vùng trán của D, nên D xông đến dùng hai tay xô H ngã xuống bồn hoa cạnh đó và ngồi đè lên người H, dùng hai tay đánh nhiều cái trúng vào mặt và ngực của H. H dùng tay phải nắm tóc của D, còn tay trái cầm dao chém tiếp 02 cái trúng vào vùng đầu của D. Thấy D bị chém nên Tuấn A và Tuấn E chạy vào can ngăn. Tuấn E gỡ tay phải của H đang nắm tóc D ra, còn Tuấn A thì gỡ dao trên tay trái của H ra thì bị H chém trúng một cái vào ngón cái bàn tay trái của Tuấn A gây trầy xước. Sau đó được mọi người can ngăn. D được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa L cấp cứu và điều trị đến ngày 28/8/2017 thì xuất viện.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường là con dao Thái Lan cán bằng gỗ dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 19cm có khắc chữ Kiwi-Brand, chiều rộng nhất 6cm, nhỏ nhất 3cm có mũi nhọn; nhiều mảnh vỡ tô bằng sành.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 325/TgT ngày 02/11/2017 của Trung tâm pháp y Đồng Tháp kết luận đối với Nguyễn Thị Bạch D như sau: Ba sọc vết thương phần mềm vùng đầu sọc lạnh; Sọc vết thương phần mềm vùng thái dương - đuôi mày phải sọc lạnh, ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tổng tỷ lệ thương tật là 14%.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 05/TgT ngày 04/01/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Tháp kết luận đối với Nguyễn Thị Bé H như sau:

Đa chấn thương phần mềm không để lại dấu vết thương tích; than còn đau vùng cổ- gáy khi vận động cuối – ngửa - nghiêng người. Tổng tỷ lệ thương tật 01%.

Ngày 23/8/2017 Nguyễn Thị Bạch D làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị Bé H, yêu cầu bồi thường chi phí điều trị số tiền 345.000

đồng (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); tiền ngày công lao động 07 ngày, một ngày 200.000 đồng = 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) và tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng là 11.754.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tại phiên tòa, Nguyễn Thị Bạch D vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường đối với bị cáo H.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Bé H yêu cầu Nguyễn Thanh Tuấn E bồi thường thu nhập thực tế bị mất của ngày bán cháo và đôi bông tai bị mất trong quá trình đánh nhau, nhưng bị cáo không có gì chứng minh. Tại phiên tòa, bị cáo xác định là không yêu cầu Tuấn E bồi thường.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nguyễn Thị Bạch D, bị cáo H chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc và tiền ngày công lao động, không đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần.

Tại bản án số 08/2018/HS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bé H phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự;

Buộc Nguyễn Thị Bé H bồi thường cho Nguyễn Thị Bạch D 11.754.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị Bé H có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, bị cáo H có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ

thương tổn thương của bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo rút kháng cáo đối với yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật của bị hại, chỉ kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu quan điểm: Đối với hành vi của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, không oan cho bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án huyện L đã phát hành 02 bản án khác nhau, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng Bản án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện L xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo H phát biểu lời bào chữa: Vị Luật sư đồng tình với phát biểu của Viện kiểm sát về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm do đã phát hành 02 bản án khác nhau trong một vụ án. Tuy nhiên, vị Luật sư cho rằng do bị hại có 4 người đến hành hung bị cáo trước, hành vi của bị cáo H nhằm tự vệ, bị cáo H rất hối hận nên đã nộp khắc phục số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, bị cáo thực hiện hành vi trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Khi chém bị hại thì bị cáo chỉ đứng tại chỗ, các cơ quan tố tụng chưa điều tra đầy đủ chứng cứ dẫn đến oan sai vì tỷ lệ 14% thì không phạm tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án huyện L, đình chỉ vụ án.

Trong phần tranh luận, bị cáo H thống nhất theo lời bào chữa của vị Luật sư, bị cáo bị oan và đề nghị hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng việc gây thương tích cho bị hại là hành vi phòng vệ chính đáng của bị cáo và thực hiện trong lúc tinh thần bị kích động mạnh. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, những lời khai này phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo như sau: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/8/2017, bị cáo Nguyễn Thị Bé H và Nguyễn Thị Bạch D đã xảy

ra xô xác đánh nhau do trước đó giữa bị cáo và em chồng của bị hại D có mâu thuẫn. Trong lúc đánh nhau, bị cáo H đã dùng dao Thái Lan cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có mũi nhọn chém nhiều nhát vào đầu và mặt của D gây thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại D tại thời điểm giám định là 14%.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo cho rằng việc gây thương tích cho bị hại được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và phòng vệ chính đáng nhưng căn cứ vào các lời khai ban đầu của bị cáo thì khi bị hại D xô xác với bị cáo là bị cáo đã dùng dao chém nhiều cái về phía bị hại, khi bị hại ngồi lên người của bị cáo thì bị cáo tiếp tục dùng dao chém về bị hại, chỉ khi chồng của bị hại là Tuấn A đè tay cầm dao của bị cáo lại nên bị cáo không chém được nữa. Chứng tỏ bị cáo muốn thực hiện hành vi đến cùng. Việc bị cáo cho rằng hành vi của mình là phòng vệ chính đáng là không có căn cứ để xem xét. Mặc dù, bị hại có lỗi khi đánh bị cáo trước nhưng đáng lẽ ra bị cáo phải kiềm chế bản thân để có cách ứng xử hợp lý nhưng bị cáo lại lựa chọn sử dụng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn gây tổn hại đến sức khỏe của bị hại.

Ngoài ra, bị cáo H còn kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án huyện L đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì phát hành 02 bản án trong 01 vụ án. Bị cáo có cung cấp cho Tòa án Tỉnh 02 bản án photo. Trong đó, 01 bản án có tuyên phần hướng dẫn thi hành án, 01 bản án không tuyên phần hướng dẫn thi hành án. Bị cáo và Luật sư cho rằng cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã thiếu sót trong việc thu giữ vật chứng là khúc cây vuông và nón bảo hiểm vì cho rằng đây là vật chứng quan trọng để xác định bị cáo có phạm tội hay không.

Qua quá trình xét hỏi bị cáo H cũng như Thư ký phiên tòa cấp sơ thẩm được triệu tập đến phiên tòa đều xác định Tòa án huyện L có tổng đạt cho bị cáo H 02 Bản án vì sau khi tổng đạt bản án cho bị cáo thì phát hiện thiếu phần hướng dẫn thi hành án nên đã liên hệ bị cáo thu hồi lại vì mới chỉ phát hành cho một mình bị cáo và có hỏi bị cáo có photo bản án chưa thì bị cáo trả lời chưa photo.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án huyện L phát hành 02 bản án cho bị cáo là có thật và đã vi phạm tố tụng nhưng vi phạm này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến vụ án, không làm thay đổi nội dung vụ án. Hơn nữa, nội dung chỉnh sửa của bản án tổng đạt lại cho bị cáo không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, khi phát

hiện bản án có sai sót thì cần thông báo sửa chữa, bổ sung bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 khúc cây vuông và 01 nón bảo hiểm: Theo lời khai của những người làm chứng thì hai vật này có ở hiện trường nhưng không sử dụng trong quá trình xô xát giữa bị cáo và bị hại, không gây thương tích cho ai nên không phải là vật chứng của vụ án. Việc cơ quan điều tra không thu giữ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3] Vì vậy, đối với hành vi của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm là con dao Thái Lan chém vào vùng đầu và vùng trán của bị hại tỷ lệ tổn thương là 14%, ảnh hưởng thẩm mỹ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của chị D, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là thỏa đáng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi án sơ thẩm tuyên bị cáo có nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, xét thấy đây là tình tiết mới ở cấp phúc thẩm nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Tại phiên tòa, bị cáo đã rút yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Thị Bạch D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo nhưng giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Sửa phần Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H. Không chấp nhận lời bào chữa của vị Luật sư như phần trên đã nhận định.

[8] Do giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Bé H. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bé H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé H 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bé H bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Bạch D số tiền 11.754.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tiếp tục quản lý số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 05581 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bé H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, phải chịu 488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDTC (Vụ GDKT1-Vụ 1)
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh
(01 bản);
- TA-VKS-THADS huyện L;
- CQCSĐT Công an huyện L;
- Bị cáo, bị hại;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Trúc).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Nước